

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 5 - 2023
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thời
Ông Dương Vĩnh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1209/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Vân L, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Số I T, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
Chỗ ở hiện nay: Số A, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn:* Ông Wu En T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số C đường N, khóm A, phường A, khu T, thành phố C, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 7 năm 2022, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Vân L trình bày:

Bà và ông Wu En T thông qua giới thiệu nên quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 286 vào ngày 17/11/2007. Sau khi kết hôn, ông bà không có thời gian nào chung sống, ông T trở về Đài Loan cho đến nay đã hơn 10 năm. Trong thời kỳ hôn nhân thì bà và ông T bất đồng quan điểm sống do tính cách khác nhau quá nhiều, khoảng cách địa lý xa xôi nên hai bên không có điều kiện gần gũi, vun đắp tình cảm vợ chồng. Từ khi

ông Wu E Ting trở về Đài Loan cho đến nay, bà và ông T cũng không còn liên lạc với nhau đã nhiều năm. Nay bà thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Wu En T, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại công việc của bà bận làm việc nên không thể tham gia vụ kiện. Vì vậy, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa.

Về phía bị đơn ông Wu En T đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông W En Ting đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng ông Wu En T vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt ông W En Ting theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Vân L và ông Wu En T là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân L đang ở Việt Nam, bị đơn ông Wu En T hiện đang ở nước ngoài (Đài Loan) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông W En Ting tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 2007. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 286 vào ngày 17/11/2007 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông bà không có thời gian nào chung sống, ông T trở về Đài Loan cho đến nay đã hơn 10 năm. Bà L cho rằng trong thời kỳ hôn nhân thì bà và ông T có nhiều bất đồng quan điểm sống do khác nhau về tính cách. Do khoảng cách địa lý xa xôi khiến cho ông

bà không có điều kiện gần gũi, vun đắp tình cảm vợ chồng. Từ khi ông T trở về Đài Loan cho đến nay đã nhiều năm nhưng thì hai bên không còn liên lạc với nhau. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho ông W En Ting; kết quả ủy thác đã tổng đạt trực tiếp cho người nhận là ông T nhưng không nhận được văn bản nêu ý kiến của ông về những vấn đề bà L yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Wu En T nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Vân L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, 147, 227, 228, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Vân L.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vân L được ly hôn với ông Wu En T.

1.2. Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Vân L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Wu En T nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Vân L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009763 ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực tế thực hiện uỷ thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0009766 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Vân L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; ông W En Ting được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt